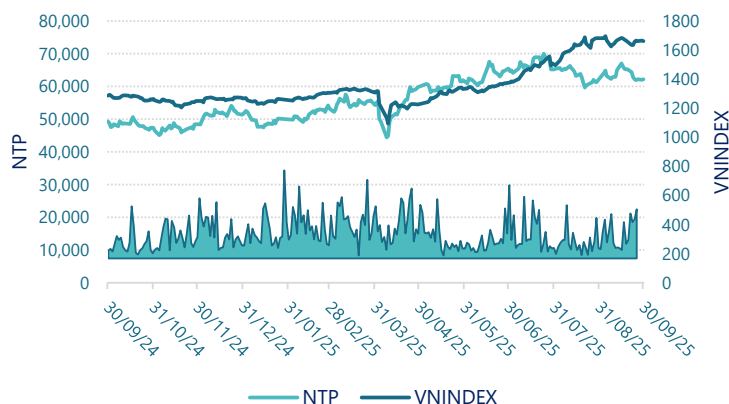


CTCP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (HNX: NTP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	62,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	70,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	44,419
SL cổ phiếu LH	171,038,220
KLGD BQ 20 phiên (CP)	262,970
% sở hữu nước ngoài	17.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	10,639
P/E	10.6
EPS	5,885

DT thuần

Q3/25

1,610

tỷ VNĐ

QoQ: ▼381| -19.2%

YoY: ▲ 409| 34.0%

LN sau thuế

Q3/25

258

tỷ VNĐ

QoQ: ▼63.0| -19.8%

YoY: ▲ 86.0| 49.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

19.5%

+/- YoY: ▲ 2.1%

DT thuần

9T 2025

4,869

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,039| 27.1%

LN sau thuế

9T 2025

790

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 271| 52.2%

ROE

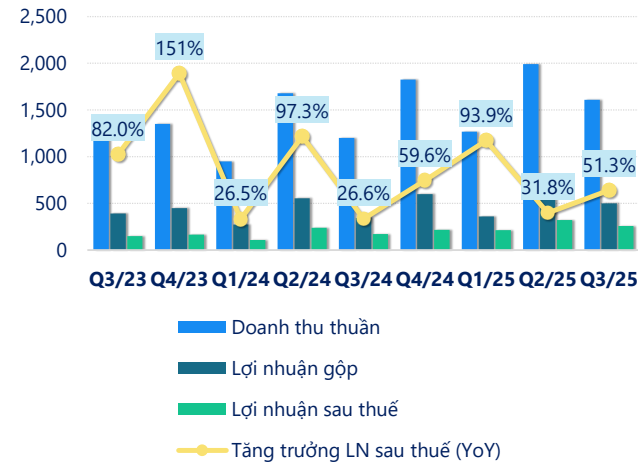
Q3/25

26.9%

+/- YoY: ▲ 6.2%

tỷ VNĐ

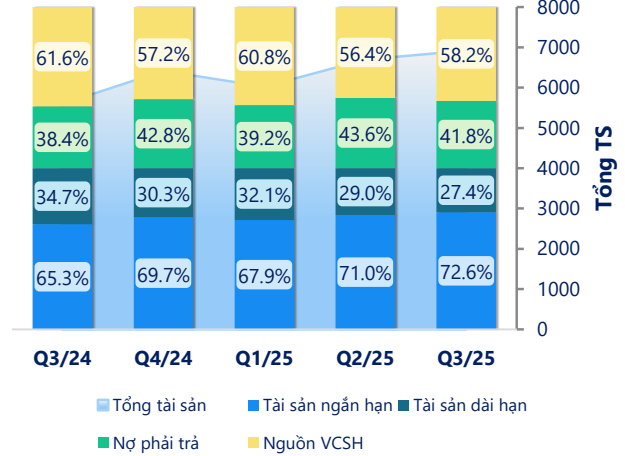
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

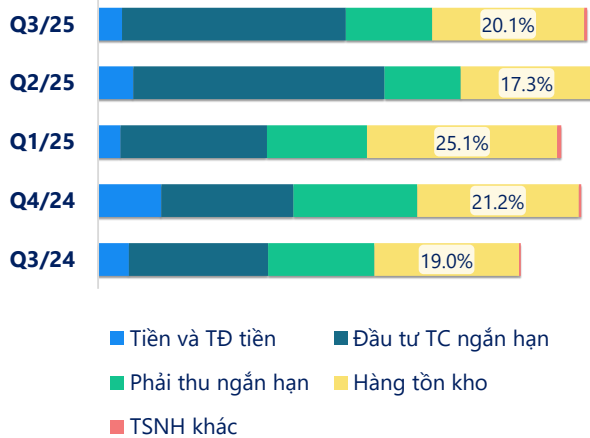
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



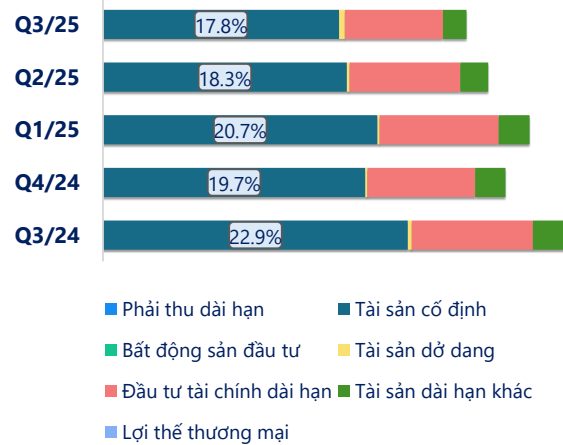
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

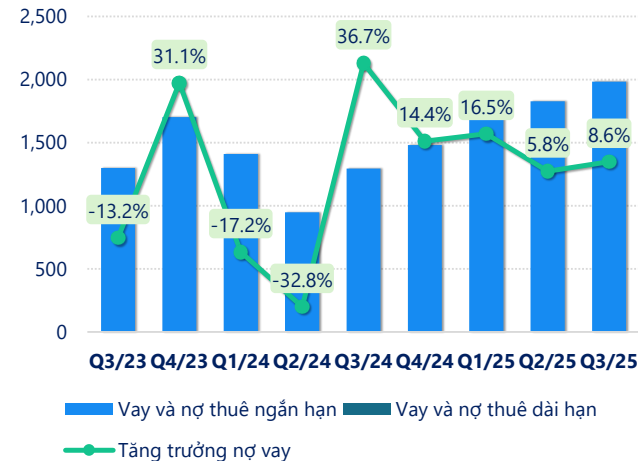
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

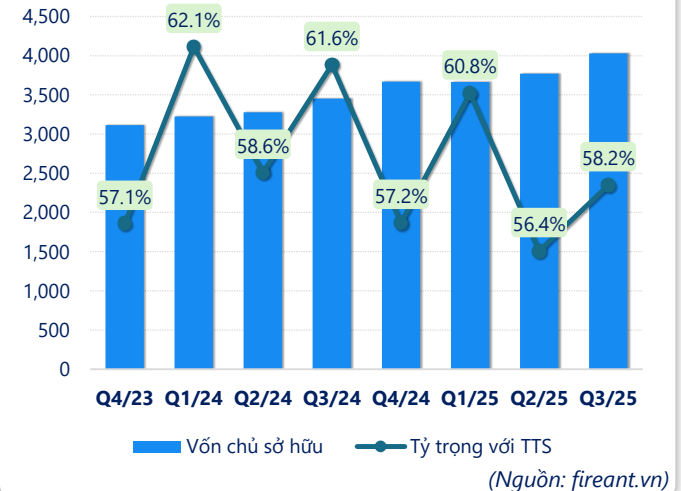
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

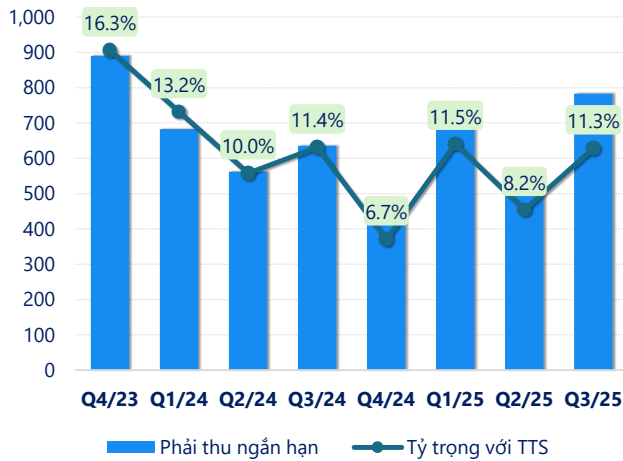
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


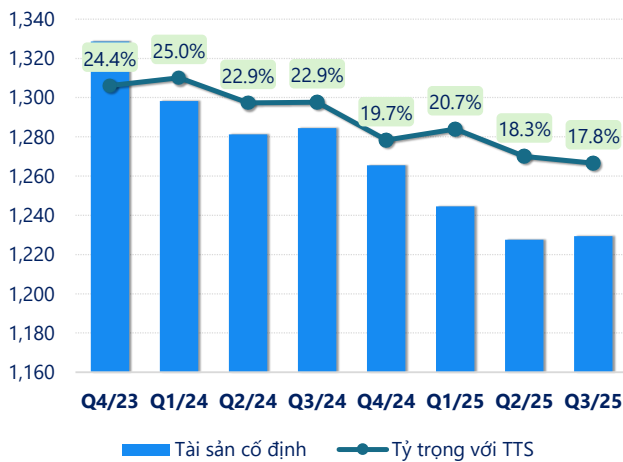
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

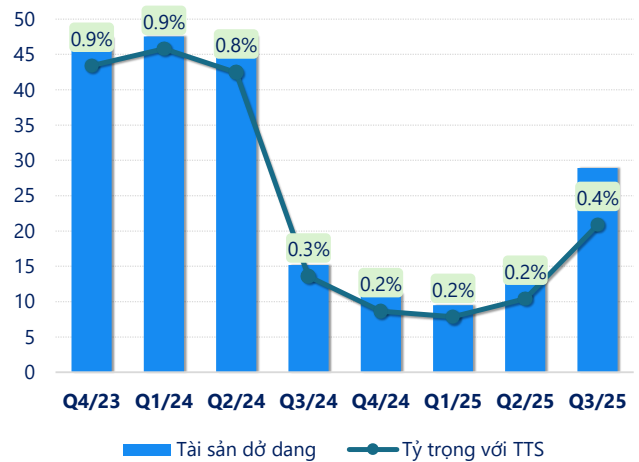

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

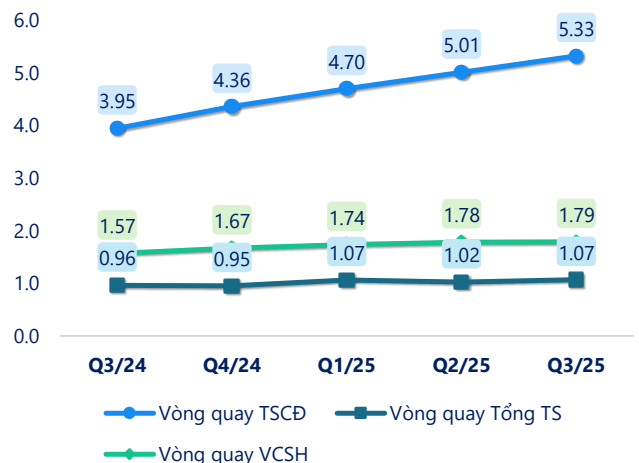
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	5,598	6,415	6,025	6,692	6,920
Tài sản ngắn hạn	3,655	4,473	4,092	4,753	5,027
Tiền và tương đương tiền	227	533	178	311	217
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,650	2,492	2,176	2,709	2,679
Phải thu ngắn hạn	636	428	696	547	783
Hàng tồn kho	1,123	1,005	1,023	1,169	1,327
Tài sản ngắn hạn khác	20.4	14.6	18.5	16.3	21.2
Tài sản dài hạn	1,942	1,942	1,933	1,940	1,893
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,284	1,265	1,245	1,228	1,229
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	15.2	11.1	9.47	14.0	28.9
Đầu tư tài chính dài hạn	511	520	539	558	512
Tài sản dài hạn khác	132	145	141	141	123
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,148	2,748	2,361	2,921	2,891
Nợ ngắn hạn	2,148	2,748	2,361	2,921	2,891
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,295	1,482	1,727	1,827	1,984
Phải trả người bán ngắn hạn	333	314	266	200	195
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,450	3,666	3,664	3,771	4,029
Vốn chủ sở hữu	3,450	3,666	3,664	3,771	4,029
Vốn điều lệ	1,425	1,425	1,425	1,425	1,710
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)